

Số: 30/2021/QĐST-HNGĐ *Thành phố H, ngày 01 tháng 12 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1996.

HKTT: Đội K, thôn ĐC, xã LP, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Đinh Hoài T, sinh năm 1998.

HKTT: Đội K, thôn ĐC, xã LP, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã ĐQ, huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày: 15/3/2017.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Quốc B: Anh Nguyễn Văn N, chị Đinh Hoài T - Bố, mẹ đẻ cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Đinh Hoài T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã LP, thành phố H, tỉnh Hưng Yên ngày 14/10/2016. Do vậy hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N và chị Đinh Hoài T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và do kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai vợ chồng đều không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh N và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của anh N và chị T nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh N và chị T thống nhất vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 15/3/2017. Anh N và chị T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Quốc B cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/một tháng. Thời hạn đóng góp tính từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của anh N và chị T nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị T đều khẳng định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh N và chị T thỏa thuận, chị T nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Đinh Hoài T.

1.2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Đinh Hoài T thống nhất vợ chồng có một con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 15/3/2017. Anh N và chị T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Quốc B cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/một tháng. Thời hạn đóng góp tính từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Chị Đinh Hoài T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Văn N và các thành viên trong gia đình không ai được quyền cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn N có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu chị Đinh Hoài T không chịu thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đinh Hoài T tự nguyện chịu cả 300.000đ (Ba trăm

ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0001037 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS. TP Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã LP, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. (GCNKH số 50/2016 ngày 14/10/2016)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lý